

# ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU NĂM 2009 VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU NĂM 2010

TS HỒ TRUNG THANH\*

## 1. Tổng quan tình hình xuất khẩu năm 2009.

Hoạt động xuất khẩu năm 2009 của Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn nhất từ cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, với việc giảm mạnh nhu cầu nhập khẩu hàng hóa và giá cả trên thị trường thế giới. Đồng thời, các nước gia tăng các biện pháp bảo hộ mới, đặt ra nhiều hơn các rào cản phi thuế quan đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam. Xuất khẩu chịu tác động tiêu cực trên cả ba phương diện: đơn đặt hàng ít đi do bán hàng gặp khó khăn về tài chính, nhu cầu của người tiêu dùng nước nhập khẩu suy giảm; giá cả nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như dầu thô, than đá, lúa gạo, cao su, cà phê, hạt tiêu, thủy sản... bị sụt giảm mạnh so với năm 2008; các doanh nghiệp kinh doanh hàng xuất khẩu gặp khó khăn về vốn và đầu ra, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Trong bối cảnh đó, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành thực hiện các giải pháp tích cực, chủ động để đẩy mạnh xuất khẩu nên phần lớn mặt hàng đã có khối lượng xuất khẩu tăng hơn năm 2008 (lượng xuất khẩu tăng tương ứng với kim ngạch khoảng 1,5 tỉ USD). Nhưng do tốc độ giảm giá lớn hơn (tổng thiệt hại do giá giảm khoảng 13,4 tỉ USD, tương đương giảm 23,6% kim ngạch xuất khẩu, trong đó: nhóm nông, lâm, thủy sản giảm 2,7 tỉ USD; nhóm nhiên liệu khoáng sản giảm 4,6 tỉ USD; nhóm công nghiệp chế biến giảm 5 - 6 tỉ USD), nên tổng kim ngạch

xuất khẩu cả năm bị giảm 11,9 tỉ USD so với năm 2008.

### a. Về quy mô xuất khẩu.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá năm 2009 đạt 56,73 tỉ USD, giảm 9,5% so với năm 2008 và bằng 87,9% kế hoạch (kế hoạch điều chỉnh tăng 3% của Quốc hội). Như vậy, kim ngạch xuất khẩu bình quân năm 2009 ước đạt 4,72 tỉ USD/tháng, thấp hơn mức bình quân năm 2008 (5,22 tỉ USD/tháng) là 500 triệu USD/tháng. Tuy nhiên, nếu loại trừ yếu tố đột biến về thị trường và giá hàng hoá trên thế giới năm 2008, xuất khẩu năm 2009 vẫn có tốc độ tăng khá so với các năm trước: tăng 74,1% so với năm 2005, tăng 41,8% so với năm 2006, tăng 16,3% so với năm 2007. Trong bối cảnh các nước trên thế giới đều phải chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế, nhiều nước trong khu vực phải chịu cảnh xuất khẩu giảm trên dưới 20%, thì mức giảm xuất khẩu của nước ta như trên cũng không đến nỗi bị quan.

Kim ngạch xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 32,2 tỉ USD, chiếm 56,7% kim ngạch xuất khẩu của cả nước, giảm 13,2% so với năm 2008; của khu vực doanh nghiệp 100% vốn trong nước đạt 24,5 tỉ USD, chiếm 43,3%, giảm 4,2% so với năm 2008.

Tính đến hết năm 2009, Việt Nam vẫn giữ được vị trí cao trên thế giới đối với xuất khẩu một số mặt hàng: hạt điều, hạt tiêu

\* Viện Nghiên cứu Thương mại.

đen đứng thứ nhất thế giới; xuất khẩu gạo, cà phê đứng thứ 2 thế giới; xuất khẩu cao su thiên nhiên đứng thứ 3 thế giới; hải sản, hàng giày dép đứng thứ 7 thế giới.

*b. Về nhóm hàng xuất khẩu.*

- Nhóm hàng nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 12,3 tỉ USD, chiếm 21.68% trong tổng kim ngạch xuất khẩu. So với năm 2008, lượng xuất khẩu của hầu hết các mặt hàng nông sản tăng mạnh, điển hình như sản và các sản phẩm từ sản tăng hơn gấp 2 lần, hạt tiêu tăng hơn 55%, chè tăng 36.8%, gạo tăng 27.6%, cao su tăng 9.6%, nhân điều tăng 8.9%. nhưng do giá xuất khẩu bình quân của các mặt hàng đều giảm như cao su giảm 33.6%, hạt tiêu giảm 28.6%, gạo giảm 26%, cà phê giảm 24.2%... làm cho kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này giảm khoảng 7%.

- Nhóm khoáng sản đạt 9,03 tỉ USD, chiếm 15,92% trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Lượng xuất khẩu dầu thô giảm 1,8% và giá xuất khẩu giảm 60% đã làm cho kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này giảm khoảng 4 tỉ USD so với năm 2008. Mặt hàng than đá mặc dù lượng xuất khẩu tăng 21,4%, nhưng do giá xuất khẩu giảm 39,3% nên kim ngạch xuất khẩu giảm khoảng 425 triệu USD so với năm 2008. Tính chung xuất khẩu nhóm khoáng sản giảm 35,6%.

- Nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 35,4 tỉ USD, chiếm 62,4% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm khoảng 3% so với năm 2008.

*c. Về thị trường xuất khẩu.*

Trong năm 2009, duy nhất xuất khẩu sang thị trường khu vực châu Phi có mức tăng trưởng dương, khoảng 17,5% do tăng xuất khẩu gạo sang thị trường Bờ Biển Ngà và tái xuất khẩu vàng sang Nam Phi, còn các thị trường khác đều giảm, giảm mạnh nhất là thị trường châu Đại Dương (khoảng 47,2%) do lượng dầu thô xuất khẩu sang Ôt-xtrây-li-a giảm: cụ thể như sau:

- Xuất khẩu tới thị trường châu Mỹ đạt

kim ngạch 12,9 tỉ USD, giảm 7,2% so với năm 2008, trong đó: thị trường Hoa Kỳ đạt kim ngạch 11,2 tỉ USD, giảm 5,5% so với năm 2008; Ca-na-đa đạt 634 triệu USD, giảm 3,4% so với năm 2008.

- Xuất khẩu tới thị trường châu Âu đạt kim ngạch 12,2 tỉ USD, giảm 0,9 % so với năm 2008, trong đó: khối EU đạt kim ngạch 9,2 tỉ USD, giảm 14,9% so với năm 2008; khối các nước Tây Âu, Bắc Âu và Đông Âu tăng 98% do tái xuất khẩu vàng sang Thụy Sĩ trong những tháng đầu năm.

- Xuất khẩu sang thị trường châu Á đạt kim ngạch 25.2 tỉ USD, giảm 13.1 % so với năm 2008, trong đó: thị trường Nhật Bản đạt 6,1 tỉ USD, giảm 27,4%; thị trường ASEAN đạt 8.6 tỉ USD, giảm 16,2% so với năm 2008; thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Hồng Kông tăng tương ứng 5,4%, 15,7% và 17%.

- Thị trường châu Phi đạt 986 triệu USD, tăng 17,5% so với năm 2008 nhờ tăng xuất khẩu gạo, hàng tiêu dùng và vàng.

**2. Công tác điều hành xuất khẩu năm 2009.**

Tình trạng suy thoái kinh tế toàn cầu diễn ra ở hầu hết các châu lục làm cho giá cả của đa số mặt hàng xuất khẩu trên thị trường thế giới liên tục giảm, thị trường xuất khẩu của nước ta bị thu hẹp nghiêm trọng. Trước tình hình đó, Chính phủ, các bộ, ngành đã triển khai nhiều biện pháp để đẩy mạnh xuất khẩu, ngăn chặn đà suy giảm kinh tế nói chung và xuất khẩu nói riêng. Tiếp theo việc thực hiện Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11-12-2008 về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 09-01-2009 về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2009, cùng một loạt các chính sách cụ thể nhằm kích thích kinh tế như: Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg

ngày 23-01-2009, Quyết định số 443/2009/QĐ-TTg ngày 04-4-2009, Quyết định số 497/2009/QĐ-TTg ngày 17-4-2009, Quyết định số 529/2009/QĐ-TTg ngày 24-4-2009 của Thủ tướng Chính phủ nhằm hỗ trợ lãi suất tín dụng, miễn giảm thuế, khuyến khích xuất khẩu, kích cầu đầu tư và tiêu dùng, bảo đảm an sinh xã hội...

Để thực hiện các biện pháp của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã triển khai nhiều hoạt động nhằm đẩy mạnh xuất khẩu. Trong năm 2009, hoạt động kinh tế đối ngoại, xúc tiến thương mại tiếp tục thu được những kết quả quan trọng bằng các hiệp định, hợp đồng hợp tác song phương và đa phương, các hội chợ, triển lãm trong nước và ngoài nước đã góp phần tạo điều kiện phát triển sản xuất và xuất, nhập khẩu cũng như quảng bá thương hiệu hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế. Công tác dự báo được tăng cường, do đó, không xảy ra tình trạng bất hợp lý trong điều hành xuất khẩu như năm 2008. Kinh nghiệm về điều hành xuất khẩu gạo năm 2008 làm dư thừa gạo với số lượng lớn dẫn đến xuất khẩu khi giá gạo thế giới giảm mạnh và gây thiệt hại đáng kể đối với người sản xuất trong nước là bài học quý báu cho công tác dự báo năm 2009 và những năm tiếp theo. Tuy nhiên, năm 2009, vấn đề điều hành xuất khẩu gạo vẫn còn một số hạn chế trong những tháng đầu năm do công tác dự báo, cảnh báo các tác động và nguy cơ của những yếu tố bên ngoài vào hoạt động của doanh nghiệp chưa kịp thời.

Chính phủ đã áp dụng nhiều chính sách ưu đãi về tài chính, tín dụng đối với các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu như hỗ trợ lãi suất cho vay ưu đãi cả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các dự án sản xuất hàng xuất khẩu; đơn giản hóa các điều kiện và thủ tục xét duyệt hồ sơ xin vay vốn của các doanh nghiệp xuất khẩu; bảo lãnh vay vốn tín dụng có thể lên tới 100% số nợ gốc và lãi phát sinh chỉ cần với điều kiện là doanh nghiệp có các dự án

kinh doanh và không có lãi suất quá hạn tại các ngân hàng mà không cần tài sản thế chấp (theo Quyết định 14/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy chế bảo lãnh vay vốn theo hướng mở rộng thêm đối tượng doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có số vốn không quá 20 tỉ đồng và sử dụng dưới 500 lao động); chính sách kích cầu thông qua hỗ trợ lãi suất... Các chính sách đó đã tạo được niềm tin cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, trở thành "liều thuốc" kích thích sản xuất, kinh doanh và khuyến khích phát triển xuất khẩu.

Tuy nhiên, khả năng tiếp cận nguồn vốn của các doanh nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa hay các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. *Thứ nhất*, đó là những khó khăn về hành chính như thủ tục xét duyệt hồ sơ xin vay vốn phức tạp, rườm rà, tốn thời gian của doanh nghiệp. *Thứ hai*, quy định về điều kiện vay vốn quá chặt chẽ, nhiều doanh nghiệp không đáp ứng được những quy định của ngân hàng về thế chấp, nhất là đối với các DN vừa và nhỏ. Thời gian cho vay hỗ trợ lãi suất thường ngắn, tiêu chuẩn ngặt nghèo, việc giải ngân chậm cũng khiến cho DN khó tiếp cận các nguồn vốn này. *Thứ ba*, các ngân hàng, quỹ hỗ trợ thường ưu tiên cho vay tín dụng dài hạn (đầu tư) và đối với những danh mục sản phẩm được ưu đãi, trong khi khó khăn thường xuyên của các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu là vốn lưu động hay các nguồn vốn ngắn hạn.

Chính sách tỉ giá và chế độ quản lý ngoại hối của Việt Nam năm 2009 nhìn chung là khá linh hoạt, kịp thời, phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu, kiểm chế lạm phát, hạn chế nhập siêu, song vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu về ngoại tệ của nền kinh tế. Trong một số thời điểm, việc điều hành tỉ giá vẫn còn lúng túng, gây hiện tượng tăng giá trên thị trường chợ đen và việc găm giữ đô la của một số doanh nghiệp, dẫn tới khan hiếm ngoại tệ trong hệ thống ngân hàng và gây khó khăn cho những doanh nghiệp xuất khẩu. Bên cạnh

đó, khả năng chuyển đổi ngoại tệ hạn chế đã ảnh hưởng không những đến đầu tư nước ngoài tại Việt Nam mà còn làm giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Công tác quản lý nhà nước đã được tăng cường, hoàn thành được nhiệm vụ đề ra trong việc xây dựng, ban hành và trình ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, công bố Bộ thủ tục hành chính ngành Công thương góp phần tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, một số chính sách hỗ trợ xuất khẩu và kích thích tiêu dùng trong nước chậm đi vào cuộc sống, một số thủ tục hành chính còn rườm rà, phức tạp, chưa phù hợp với điều kiện thực tế như các thủ tục, điều kiện hỗ trợ lãi suất cho nông dân vay vốn theo Quyết định số 497/2009/QĐ-TTg.

### 3. Dự báo xuất khẩu và một số kiến nghị.

Năm 2009 là một năm khó khăn đối với hoạt động xuất khẩu nước ta do bối cảnh suy giảm kinh tế thế giới và những biến động phức tạp ở trong nước. Năm 2010 được dự báo sẽ vẫn tiếp tục khó khăn đối với hoạt động xuất khẩu của Việt Nam, do các nước đều cần nhiều thời gian để khắc phục những hậu quả của suy thoái và vực dậy nền kinh tế thế giới. Song nhìn chung, triển vọng của xuất khẩu Việt Nam trong năm 2010 sẽ khá hơn. Nhiều nước trên thế giới đều đã điều chỉnh lại tốc độ tăng trưởng GDP, tạo căn cứ để tin tưởng vào sự phục hồi nền kinh tế thế giới trong năm 2010.

Một số yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2010 là:

- Cùng với sự tăng trưởng kinh tế thế giới (theo dự báo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF, kinh tế thế giới năm 2010 sẽ tăng trưởng 3,1%), các hoạt động thương mại và đầu tư cũng từng bước phục hồi. Tuy nhiên, quá trình phục hồi của kinh tế thế giới chứa đựng nhiều rủi ro, khó lường. Những vấn đề hậu khủng hoảng như bảo hộ mậu dịch, biến động giá cả, lạm phát, khan hiếm nguyên liệu, năng lượng có thể

xảy ra và sẽ tác động xấu đến phát triển kinh tế các nước, nhất là các nước đang phát triển như Việt Nam.

- Các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam sẽ được phục hồi dần nhưng chậm, đặc biệt là thị trường Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản. Bên cạnh đó, việc giảm nhu cầu nhập khẩu tại các thị trường này gây sức ép cạnh tranh đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam từ các nước đối thủ cạnh tranh như Trung Quốc và một số nước ASEAN khác, nhất là trong bối cảnh các nước tiếp tục áp dụng các biện pháp bảo hộ bằng hàng rào phi thuế quan như các tiêu chuẩn kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc...

- Kinh tế trong nước cũng sẽ đối mặt với những khó khăn do suy giảm nhu cầu tiêu dùng, đầu tư và cần có nhiều thời gian để các gói kích cầu của Chính phủ phát huy tác dụng. Sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ gay gắt ngay chính trên thị trường nội địa.

Dự báo năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,5-7% so với năm 2009; giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3-3,4%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7-7,5%; khu vực dịch vụ tăng 7,8-8,3%. Triển vọng phục hồi kinh tế thế giới sẽ giúp xuất khẩu của Việt Nam đạt tổng kim ngạch khoảng 60 tỉ USD, tăng 6% so với năm 2009.

Thực hiện mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu ở mức 6% là một nhiệm vụ hết sức khó khăn vì nhiều nhóm hàng đã chạm ngưỡng về lượng trong năm 2009 và khó tăng tiếp trong năm 2010. Bên cạnh đó, xuất khẩu của Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt thêm với nhiều rào cản thương mại mới do chính sách bảo hộ từ các thị trường nhập khẩu.

Để đạt được các mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu năm 2010, các biện pháp chính cần triển khai thực hiện là:

- Chuyển đổi mô hình tăng trưởng xuất khẩu, chủ yếu từ dựa vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng là vốn, khai thác tài

nguyên và nguồn nhân lực chất lượng thấp sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, chủ yếu dựa vào các lợi thế so sánh động, các nhân tố năng suất tổng hợp như khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao và kỹ năng quản lý hiện đại, qua đó nâng cao mức đóng góp của các yếu tố này vào tăng trưởng.

- Chú trọng công tác dự báo, phân tích đánh giá tình hình và xu thế ảnh hưởng của nền kinh tế tới sự phát triển ngành để kịp thời đưa ra những giải pháp phù hợp. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy lợi thế, bảo đảm quyền độc lập, tự chủ của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập.

- Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh các mặt hàng có giá trị gia tăng cao, có kim ngạch lớn, có khả năng tăng trưởng cao, những mặt hàng có đóng góp quan trọng cho việc thực hiện kế hoạch xuất khẩu cũng như giải quyết nhiều lao động như các sản phẩm chế biến, công nghiệp chế biến: dệt may, giấy dếp, đồ gỗ, linh kiện điện tử, sản phẩm nhựa, dây cáp điện; phát triển xuất khẩu các mặt hàng mới như sản phẩm cơ khí, thực phẩm chế biến, hoá phẩm tiêu dùng; đẩy mạnh các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao như các sản phẩm phần mềm, hàng điện tử và tin học; chú trọng đổi mới công nghệ, thiết bị, cải tiến mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu.

- Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại vào các thị trường chủ lực như châu Á (Nhật Bản, ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông), châu Âu (chủ yếu là EU), Bắc Mỹ (Hoa Kỳ, Canada), thị trường truyền thống như Nga, chủ động tìm kiếm và mở rộng thị trường mới, đối tác mới như Trung Đông, Mỹ La tinh, châu Phi; tận dụng mọi khả năng để tăng mức xuất khẩu trên tất cả các thị trường có sức mua lớn nhưng hiện còn chiếm tỉ trọng thấp; tìm cơ hội xuất khẩu vào các thị trường mới, có tiềm năng nhằm hạn chế rủi ro biến động thị trường.

- Tận dụng các lợi thế từ các hiệp định thương mại song phương (FTA), nhất là thị trường Nhật Bản và các nước trong khu vực; gắn thị trường xuất khẩu với thị trường nhập khẩu, thông qua đó đẩy mạnh xuất khẩu, giảm nhập siêu ở các thị trường hiện có mức nhập siêu lớn nhằm giảm nhập siêu của cả nước.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng tổ chức các hội nghị chuyên đề về ngành hàng, mặt hàng xuất khẩu; rà soát cơ chế, chính sách khuyến khích xuất khẩu, lưu thông hàng hoá xuất nhập khẩu; kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; tạo điều kiện ưu đãi và hỗ trợ cần thiết để giúp doanh nghiệp ổn định sản xuất, tăng sản lượng, đặc biệt chú trọng hỗ trợ các dự án đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu, sản xuất hàng hoá thay thế nhập khẩu sớm đi vào sản xuất và đưa sản phẩm vào thị trường.

- Giải quyết kịp thời các rào cản kỹ thuật đối với hàng xuất khẩu Việt Nam, đặc biệt đối với hàng thuỷ sản. Tiếp tục vận động các nước EU sớm bỏ thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng giấy có mũ da của Việt Nam xuất khẩu vào EU.

- Tiếp tục chủ trương nới lỏng chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, giảm lãi suất đầu ra để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm duy trì và đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh. Tiếp tục duy trì chính sách điều hành tỉ giá linh hoạt theo tín hiệu thị trường, ổn định tỉ giá để ổn định xuất khẩu.

- Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong việc điều hành xuất khẩu. Nhiệm vụ này vẫn phải làm thường xuyên, đặc biệt là các cơ quan trực tiếp điều hành xuất khẩu như Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước. Cần phân định rõ chức năng của các cơ quan trong điều hành xuất khẩu, đặc biệt là trong những thời điểm biến động giá cả diễn ra nhanh chóng □